

Biểu số : - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học số 2 Quài Nưa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 822

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học số 2 Quài Nưa công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý(6 tháng/ cả năm) như sau:

Đơn vị tính:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	0
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0
1	Lệ phí	0	0	0	0
2	Phí	0	0	0	0
3	Thu SXKD, dịch vụ	0	0	0	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	0	0
1	Chi sự nghiệp	0	0	0	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0
2	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
3	Chi SXKD, dịch vụ	0	0	0	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	0
1	Lệ phí	0	0	0	0
2	Phí	0	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	1.091.837.040	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	0	1.091.837.040	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	1.091.837.040	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	1.091.837.040	0	0
	6001: Lương theo ngạch, bậc	0	439.925.087	0	0
	6051: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	0	14.220.000	0	0
	6101: Phụ cấp chức vụ	0	5.967.000	0	0
	6102: Phụ cấp khu vực	0	52.650.000	0	0

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	6107: Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	0	1.404.000	0	0
	6112: Phụ cấp ưu đãi nghề	0	282.781.002	0	0
	6113: Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	0	702.000	0	0
	6115: Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	0	88.211.165	0	0
	6121: Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	0	87.048.000	0	0
	6301: Bảo hiểm xã hội	0	89.957.649	0	0
	6302: Bảo hiểm y tế	0	16.874.878	0	0
	6304: Bảo hiểm thất nghiệp	0	5.618.000	0	0
	6349: Các khoản đóng góp khác	0	2.645.814	0	0
	6501: Tiền điện	0	2.752.445	0	0
	6605: Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	0	1.080.000	0	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	0	0	0	0

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0

Tuần Giáo, ngày 3 tháng 3 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Thị Lan